

Số: 628/BC-LTT-TC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NGHỀ TRỌNG ĐIỂM VÀ
TRƯỜNG ĐƯỢC LỰA CHỌN NGHỀ TRỌNG ĐIỂM
(Theo Công văn số 1490/TCDN-BQL ngày 23 tháng 6 năm 2017
của Tổng cục Dạy nghề)

I. Đăng ký nghề trọng điểm, cấp độ đào tạo tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017-2020:

1. Tổng số nghề đăng ký xây dựng nghề trọng điểm: 06 nghề, theo cấp độ:

- Nghề trọng điểm cấp độ Quốc gia:

1/ Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm),

2/ Điện tử công nghiệp.

- Nghề trọng điểm cấp độ Khu vực:

1/ Điện công nghiệp,

2/ Cơ điện tử.

- Nghề trọng điểm cấp độ Quốc tế:

1/ Cắt gọt kim loại,

2/ Công nghệ Ô tô.

Căn cứ xác định nghề trọng điểm của Nhà trường:

- Danh mục ngành, nghề đào tạo ban hành tại số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

- 06 nghề được lựa chọn từ 04 ngành đào tạo mũi nhọn theo Kế hoạch Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2013-2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

- Số lượng đào tạo hàng năm đảm bảo trên 50 học sinh-sinh viên/ngành, được doanh nghiệp đánh giá cao về chất lượng đào tạo thông qua số học sinh tốt nghiệp được các doanh nghiệp tuyển dụng hàng năm.

2. Dự kiến tuyển sinh 06 nghề trọng điểm:

(ĐVT: người)

TT	Nghề trọng điểm	Tổng cộng	2017-2020	
			Trung cấp	Cao đẳng
1	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	275	175	100
2	Điện tử công nghiệp	325	175	150
3	Điện công nghiệp	325	175	150
4	Cơ điện tử	375	175	200
5	Cắt gọt kim loại	350	175	175

TT	Nghề trọng điểm	Tổng cộng	2017-2020	
			Trung cấp	Cao đẳng
6	Công nghệ Ô tô	375	175	200
	CỘNG	2.025	1.050	975

II. Báo cáo kết quả thực hiện trong giai đoạn 2013-2016 đối với các nghề được xác định lựa chọn làm nghề trọng điểm giai đoạn 2017-2020

Trường Cao đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập năm 2005 (tiền thân là Trường Dạy nghề Trung học Lý Tự Trọng thành lập năm 1986). Trước năm 2017, Trường chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Giáo dục & Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện chuyên môn đào tạo theo qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Căn cứ vào bề dày thành tích trong công tác đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật và căn cứ các nguồn lực của Trường, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2013-2015, tầm nhìn đến năm 2020, trong đó tập trung phát triển 04 ngành mũi nhọn: Công nghệ Thông tin, Công nghệ Động lực, Công nghệ Cơ khí và Công nghệ Điện-Điện tử.

Có thể nói, giai đoạn 2013-2016 Nhà trường đã được đầu tư cơ bản, đồng bộ các điều kiện đáp ứng tiêu chuẩn của ngành mũi nhọn, đây cũng là cơ sở để Nhà trường xác định xây dựng 06 nghề trọng điểm giai đoạn 2017-2020. Cụ thể các điều kiện làm căn cứ để Trường xây dựng 6 nghề trọng điểm giai đoạn 2017-2020 như sau:

Biểu 2.1

1. Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề và các điều kiện đảm bảo chất lượng giai đoạn 2013-2016

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng cộng (tr.đồng)	Trong đó		
				NSTW	NSDP	ODA, khác
	Tổng cộng (=1+2+3+4+5+6+7)	Tr.đồng	44.153,9		42.577,7	1.576,2
1	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất	Tr.đồng	15.919,5		15.919,5	
2	Mua sắm thiết bị đào tạo	Tr.đồng	19.468,9		17.892,7	1.576,2
a	Ngành CN Cơ khí	Tr.đồng	2.839,9		2.839,9	
b	Ngành CN Thông tin	Tr.đồng	4.041,2		3.998,6	42,6
c	Ngành CN Điện-Điện tử	Tr.đồng	10.495,8		9.279,1	1.1216,7
d	Ngành CN Động lực	Tr.đồng	2.092,0		1.775,1	316,9
3	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý dạy nghề	Tr.đồng	2.196,0		2.196,0	
4	Xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình dạy nghề	Tr.đồng	1.897,5		1.897,5	
5	Phát triển hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề	Tr.đồng	3.056,5		3.056,5	

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng cộng (tr.đồng)	Trong đó		
				NSTW	NSDP	ODA, khác
6	Phát triển hệ thống đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Tr.đồng				
7	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và CSDL về dạy nghề	Tr.đồng	1.615,5		1.615,5	

2. Kết quả tuyển sinh và tốt nghiệp có việc làm

T T	Nội dung	ĐVT	Kết quả tuyển sinh					Kết quả tốt nghiệp có việc làm				
			Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó			
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
a	Trình độ Cao đẳng/CD nghề	Người	5.578	1.134	793	1.577	2.074	3.311	922	1.076	518	795
1	Cắt gọt kim loại	Người	955	197	127	297	334	505	126	145	92	142
2	Công nghệ thông tin (UD phần mềm)	Người	569	132	81	170	186	570	259	161	56	94
3	Điện tử công nghiệp	Người	536	194	117	88	137	604	178	157	132	137
4	Điện công nghiệp	Người	1.035	204	113	353	365	680	194	226	121	139
5	Cơ điện tử	Người	405	99	64	119	123	252	60	73	47	72
6	Công nghệ ô tô	Người	2.078	308	291	550	929	700	105	314	70	211
b	Trình độ Trung cấp/ Trung cấp nghề	Người	2.131	358	315	670	788	1.069	365	251	242	211
1	Cắt gọt kim loại	Người	280	53	67	98	62	187	39	67	36	45
2	Công nghệ thông tin (UD phần mềm)	Người	336	60	30	127	119	164	57	48	39	20
3	Điện tử công nghiệp	Người	158	32	18	44	64	113	41	37	22	13
4	Điện công nghiệp	Người	495	105	77	162	151	275	100	49	75	51
5	Công nghệ ô tô	Người	862	108	123	239	392	330	128	50	70	82

THÀNH
TRƯỜNG
ĐĂNG KÝ T
TƯ TR
TP. HỒ CHÍ M
10

3. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng cộng	Trong đó			
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1.1	Đào tạo cán bộ quản lý	Người	3	1			2
1.2	Đào tạo giáo viên	Người	55	8	15	22	10
a	Ngành Công nghệ Cơ khí	Người	19	2	6	10	1
b	Ngành Công nghệ Thông tin	Người	19		5	6	8
c	Ngành Công nghệ Điện-Điện tử	Người	4			4	
d	Ngành Công nghệ Động lực	Người	13	6	4	2	1

4. Kết quả xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình (CT, GT)

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng cộng	Trong đó			
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
a	Trình độ Cao đẳng/CD nghề		352	150		202	
1	Cắt gọt kim loại	Bộ CT, GT	73	29		44	
2	Công nghệ thông tin (UD phần mềm)	Bộ CT, GT	49	25		24	
3	Điện tử công nghiệp	Bộ CT, GT	59	33		26	
4	Điện công nghiệp	Bộ CT, GT	62	33		29	
5	Cơ điện tử	Bộ CT, GT	45			45	
6	Công nghệ Ô tô	Bộ CT, GT	64	30		34	
b	Trình độ Trung cấp/Trung cấp nghề		273	124		149	
1	Cắt gọt kim loại	Bộ CT, GT	58	26		32	
2	Công nghệ thông tin (UD phần mềm)	Bộ CT, GT	36	19		17	
3	Điện tử công nghiệp	Bộ CT, GT	46	25		21	
4	Điện công nghiệp	Bộ CT, GT	46	24		22	
5	Cơ điện tử	Bộ CT, GT	32			32	
6	Công nghệ Ô tô	Bộ CT, GT	55	30		25	

5. Kết quả thực hiện một số nội dung khác

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng cộng	Trong đó			
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Phát triển hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề						
a	Kiểm định chất lượng cơ sở dạy nghề						
b	Số kiểm định viên chất lượng dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng	Người					
c	Số cán bộ tự kiểm định chất lượng dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng	Người	1			1	
d	Số chương trình đào tạo được thí điểm kiểm định chất lượng	CTĐT					
2	Phát triển hệ thống đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia						
a	Số đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia được đào tạo, bồi dưỡng	Người					
b	Số giáo viên dạy nghề được đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Người	2	2			
3	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và CSDL về dạy nghề						
a	Phần mềm được ứng dụng trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề	Phần mềm	26	15	18	20	26
b	Chương trình, giáo trình được số hóa, mô phỏng hóa	Bài giảng	1.050	825	965	1.025	1.050

Nơi nhận:

- Sở LĐTB-XH;
- Lưu VT, TC- HC.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc